

Số: 580/TB-QLTTBD

Bình Định, ngày 04 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

1/ Theo Phương án xử lý tài sản được phê duyệt theo Quyết định số 171/QĐ-QLTTBD ngày 20/9/2024 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu;

2/ Theo Phương án xử lý tài sản được phê duyệt theo Quyết định số 172/QĐ-QLTTBD ngày 20/9/2024 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu;

3/ Theo Phương án xử lý tài sản được phê duyệt theo Quyết định số 173/QĐ-QLTTBD ngày 20/9/2024 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu;

4/ Theo Phương án xử lý tài sản được phê duyệt theo Quyết định số 174/QĐ-QLTTBD ngày 20/9/2024 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu;

5/ Theo Phương án xử lý tài sản được phê duyệt theo Quyết định số 185/QĐ-QLTTBD ngày 04/10/2024 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu;

Cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Định thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản để đấu giá lô tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ Nhà nước cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá

Cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Định; địa chỉ số 102, đường Nguyễn Mân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng, giá của tài sản đấu giá

Tài sản bán đấu giá là hàng hóa bị tịch thu do vi phạm hành chính (có bảng kê chi tiết kèm theo)

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Các tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại Khoản 4, Điều 56 Luật Đấu giá tài sản và các tiêu chí tại Phụ lục I của Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ tư pháp.

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 07/10/2024 đến hết ngày 11/10/2024 (trong giờ hành chính).

- Địa điểm nộp hồ sơ: Tại Cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Định – địa chỉ: 102 Nguyễn Mân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại liên hệ: 0256.3821299

Cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Định thông báo để các tổ chức đấu giá biết, đăng ký tham gia theo quy định./.

* **Lưu ý:** Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá đóng thành quyển, không trả lại hồ sơ nếu không được lựa chọn.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Định thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết, đăng ký tham gia theo quy định./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Cục;
- Công thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Công thông tin điện tử Cục QLTT tỉnh Bình Định;
- Lưu: VT, HS (4b).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Đương Thị Hồng Hiếu



BẢNG KÊ CHI TIẾT HÀNG HÓA BÁN ĐẦU GIÁ

(Kèm theo Thông báo số **580** /TB-QLTTBĐ ngày **04** /10 /2024 của Cục QLTT tỉnh Bình Định)

STT	Tên, hàng hóa	Nhãn hiệu, xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng giá trị (đồng)
I	QUYẾT ĐỊNH SỐ 171/QĐ-QLTTBĐ NGÀY 20/9/2024 (ĐỘI QLTT SỐ 3)					33.600.000
1	Xe gắn máy hai bánh (điện), không bình ắc quy, không dây sạc, không gương	Hiệu NISHIKI, không có số khung, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	8	4.200.000	33.600.000
II	QUYẾT ĐỊNH SỐ 172/QĐ-QLTTBĐ NGÀY 20/9/2024 (ĐỘI QLTT SỐ 3)					52.700.000
1	Xe gắn máy hai bánh (điện), không bình ắc quy, không dây sạc, không gương	Hiệu HASAKI, không có số khung, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	6	4.200.000	25.200.000
2	Xe gắn máy hai bánh (điện), không bình ắc quy, không dây sạc, không gương	Hiệu ZUBIKE, không có số khung, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	5	5.500.000	27.500.000
III	QUYẾT ĐỊNH SỐ 173/QĐ-QLTTBĐ NGÀY 20/9/2024 (ĐỘI QLTT SỐ 3)					52.000.000
1	Xe gắn máy hai bánh (điện), không bình ắc quy, không dây sạc, không gương	Hiệu KINAWA, không có số khung, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	5	5.500.000	27.500.000
2	Xe gắn máy hai bánh (điện), không bình ắc quy, không dây sạc, không gương	Hiệu KASHIMA, không có số khung, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	3	4.500.000	13.500.000

3	Xe gắn máy hai bánh (điện), không bình ắc quy, không dây sạc, không gương	Hiệu SANY, không có số khung, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	1	4.500.000	4.500.000
4	Xe gắn máy hai bánh (điện), không bình ắc quy, không dây sạc, không gương	Hiệu SONCO, số khung: SC20220800473, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	1	6.500.000	6.500.000
IV	QUYẾT ĐỊNH SỐ 174/QĐ-QLTTBĐ NGÀY 20/9/2024 (ĐỘI QLTT SỐ 3)					262.230.000
1	Xe máy điện hai bánh, không có bình ắc quy	Hiệu PONY, số sườn: RL9PNDN04AM00001587, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	1	3.600.000	3.600.000
2	Xe máy điện hai bánh, không có bình ắc quy	Hiệu PONY, số sườn: RL9PNDN04AM00001586, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	1	3.600.000	3.600.000
3	Xe máy điện hai bánh, không có bình ắc quy	Hiệu PONY, số sườn: RL9PNDN04AM00001588, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	1	3.600.000	3.600.000
4	Xe máy điện hai bánh, không có bình ắc quy	Hiệu PONY, số sườn: RL9PNDN03AM00001593, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	1	3.600.000	3.600.000
5	Xe máy điện hai bánh, không có bình ắc quy	Hiệu PONY, số sườn: RL9PNDN03AM00001596, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	1	3.600.000	3.600.000
6	Xe máy điện hai bánh, không có bình ắc quy	Hiệu PONY, số sườn: RL9PNDN04AM00001578, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	1	3.600.000	3.600.000
7	Xe máy điện hai bánh, không có bình ắc quy	Hiệu PONY, số sườn: RL9PNDN03AM00001595, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	1	3.600.000	3.600.000
8	Xe máy điện hai bánh, không có bình ắc quy	Hiệu PONY, số sườn: PNHR000010565, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	1	3.600.000	3.600.000

9	Xe máy điện hai bánh, không có bình ắc quy	Hiệu PONY, số sườn: PNHHR000010576, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	1	3.600.000	3.600.000
10	Xe máy điện hai bánh, không có bình ắc quy	Hiệu PONY, số sườn: PNHHR000010577, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	1	3.600.000	3.600.000
11	Xe máy điện hai bánh, không có bình ắc quy	Hiệu PONY, số sườn: PNHHR000010574, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	1	3.600.000	3.600.000
12	Xe máy điện hai bánh, không có bình ắc quy	Hiệu PONY, số sườn: PNHHR000010568, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	1	3.600.000	3.600.000
13	Xe máy điện hai bánh, không có bình ắc quy	Hiệu PONY, không thấy rõ số sườn, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	3	3.600.000	10.800.000
14	Xe máy điện hai bánh, không có bình ắc quy	Hiệu H-GT, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	26	3.000.000	78.000.000
15	Xe máy điện hai bánh, không có bình ắc quy	Hiệu HGT, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	36	3.000.000	108.000.000
16	Xe máy điện hai bánh, không có bình ắc quy	Hiệu KAISHI, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	1	3.600.000	3.600.000
17	Yên xe điện	Hiệu Đại Dương, không rõ nguồn gốc xuất xứ	Chiếc	10	60.000	600.000
18	Giỏ xe điện	Không nhãn hàng hóa	Chiếc	15	42.000	630.000
19	Chấn bụn xe điện	Không nhãn hàng hóa	Chiếc	290	60.000	17.400.000
V	QUYẾT ĐỊNH SỐ 185/QĐ-QLTTBĐ NGÀY 04/10/2024 (ĐỘI QLTT SỐ 1)					3.360.000
1	Kèm mở phe ngoài mũi thẳng	Hiệu BERRYLION loại 9"225mm, MADE IN CHINA	Chiếc	12	90.000	1.080.000
2	Kèm mở phe ngoài mũi thẳng	Hiệu BERRYLION loại 7"175mm, MADE IN CHINA	Chiếc	12	90.000	1.080.000
3	Kèm nhọn mũi dài	Hiệu BERRYLION loại 5"125mm, MADE IN CHINA	Chiếc	12	50.000	600.000
4	Kèm cắt	Hiệu BERRYLION loại 5"125mm, MADE IN CHINA	Chiếc	12	50.000	600.000
	TỔNG CỘNG					403.890.000

Thao